

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày 09 - 02 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngát
Bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Tuấn - Kiểm sát viên;

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Đồng Văn Đ, sinh năm 1988 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn Đ1 và bà Trần Thị A; có vợ là Trần Thị H và có 2 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 25/12/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt Đồng Văn Đ 07 năm tù về tội “Mua bán phụ nữ”, Đ đã chấp hành xong toàn bộ bản án, đã được đương nhiên xóa án; bị tạm giữ từ ngày 20/6/2017 đến ngày 25/6/2017 thì được tại ngoại, sau đó Đ bỏ trốn; ngày 01/12/2017 Đ bị bắt theo Quyết định truy nã và bị tạm giam giữ từ đó đến nay; hiện tại bị cáo đang bị tạm giam, có mặt.

*** Bị hại:** Nguyễn Thị X, sinh ngày 28/02/2000; có mặt

Người đại diện hợp pháp của Bị hại: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971 (là cha đẻ của cháu X); có mặt
Đều cư trú tại: Thôn T, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Thị Ng, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn K, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang; có mặt

2. Trần Văn H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Th, xã T, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Khoảng 19 giờ ngày 17/6/2017, Đồng Văn Đ đi xe khách từ thị trấn C, huyện L đến thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang để tìm việc làm. Đ tìm đến một xưởng gỗ xin việc làm, được ông chủ xưởng gỗ hẹn hai ngày sau đến làm việc nên Đ đi bộ đến quán Internet Q ở khu 4, thị trấn A, huyện S chơi điện tử. Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày thì Đ trả tiền chủ quán để về. Khi ra đến cửa quán, Đ phát hiện thấy có nhiều xe mô tô dựng ở trước cửa quán nhưng không có người trông coi, trong đó có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RS, màu sơn xanh- đen- bạc biển số 98M3- 7 . . . chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, trên xe có treo 02 chiếc mũ bảo hiểm, loại mũ nữ, Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau đó Đ đi bộ ra khu vực Ngã Tư thị trấn A, cách quán Internet Q khoảng 100m ngồi ở rìa đường, khoảng 20 phút sau Đ đi bộ quay lại vẫn thấy không có người trông giữ xe, Đ tiến lại ngồi lên yên xe mô tô, bật mở khóa điện, gạt chân chống phụ rồi đề nổ máy, Đ điều khiển xe trộm cắp được đi ra khỏi quán Internet tẩu thoát. Đ điều khiển xe đến cây xăng ở thôn T, xã A, huyện S đổ 20.000đồng tiền xăng, sau đó điều khiển xe chạy trên Quốc lộ 31, hướng đi Sơn Động – Bắc Giang. Đến thị trấn C, huyện L, Đ vào nhà nghỉ AH thuê phòng nghỉ qua đêm, tại đây Đ mở cốp xe kiểm tra thấy có 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 Giấy phép lái xe và 01 Giấy chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Văn S. Khoảng 08 giờ ngày 18/6/2017 Đ rời nhà nghỉ AH đi tiếp, đến khu vực Ngã Tư thị trấn Đ, huyện LN, Đ rẽ vào một cửa hàng sửa chữa, mua bán xe máy cũ của ông Tạ Đình V đặt vấn đề bán xe, ông V không mua mà gọi điện thoại cho anh Trần Văn H đến mua. Anh H hỏi Đ xe của ai, Đ nói xe của Đ mua của ông chú, anh H không biết xe mô tô đó là do Đ trộm cắp mà có nên đồng ý mua, hai bên thỏa thuận giá mua bán là 7.400.000đ (Bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng), anh H làm giấy cam kết bán xe máy để Đ ký tên dưới mục người bán xe, Đ nhận tiền của anh H, bỏ lại hai mũ bảo hiểm rồi đón xe khách đi về thị trấn C, huyện L; trên đường về Đ vứt Giấy phép lái xe và Giấy chứng minh nhân dân của ông S qua cửa xe ô tô. Số tiền bán xe Đ đã chi tiêu cá nhân hết 4.745.000đồng, ngày 20/6/2017 Đ đến Công an huyện S đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội và giao nộp số tiền còn lại là 2.655.000đồng. Cùng ngày 20/6/2017, Cơ quan

điều tra đã thu giữ tại cửa hàng mua bán xe máy của anh Trần Văn H ở thôn Th, xã T, huyện LN chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RS, màu sơn xanh- đen- bạc biển số 98M3- 7 . . ., 01 Giấy đăng ký xe mô tô và 01 mũ bảo hiểm màu trắng.

2. Tại bản Kết luận xác định giá trị tài sản số 15 ngày 22/6/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Động kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RS, màu sơn xanh- đen- bạc biển số 98M3- 7 . . . giá trị ở thời điểm bị mất là 3.700.000đ (Ba triệu, bảy trăm nghìn đồng); 02 chiếc mũ bảo hiểm không còn giá trị.

Ngày 16/8/2017, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại cho ông Nguyễn Văn S (là người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thị X) 01 chiếc xe mô tô, 01 Giấy đăng ký xe và 01 mũ bảo hiểm nêu trên.

3. Tại bản Cáo trạng số 02/KSĐT ngày 17 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo Đồng Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

4. Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đồng Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Đồng Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù; áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015: Trả lại Trần Văn H số tiền 2.655.000đồng, buộc Đồng Văn Đ phải bồi thường cho anh Trần Văn H số tiền 4.745.000đ; trả lại Đồng Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Bị cáo Đồng Văn Đ thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt là đúng người, đúng tội; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo quy định của pháp luật.

- Cháu Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn S và cháu Trần Thị Ng đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Cháu X và ông S đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Đồng Văn Đ thành khẩn khai báo, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận ngày 17/6/2017, bị cáo Đồng Văn Đ đã lén lút chiếm đoạt của cháu Nguyễn Thị X 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RS, màu sơn xanh- đen- bạc biển số 98M3- 7 . . . trị giá 3.700.000đ (Ba triệu, bảy trăm nghìn đồng). Hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Thủ đoạn phạm tội của bị cáo là lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ quán Internet và những người đến chơi điện tử để chiếm đoạt xe mô tô rồi nhanh chóng tẩu thoát, đem xe mô tô trộm cắp được đi tiêu thụ lấy tiền ăn chơi, thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Căn cứ vào giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo Đồng Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy bị cáo Đồng Văn Đ là người có nhân thân xấu, năm 2008 bị cáo phạm tội “Mua bán phụ nữ”, bị xử phạt 7 năm tù, mặc dù đã được đương nhiên xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa lỗi lầm mà tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội; quá trình điều tra vụ án bị cáo đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra phải ra Quyết định truy nã mới bắt được bị cáo. Chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục, coi thường kỷ cương pháp luật, cần phải xử phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo là đúng với chính sách xử lý của pháp luật hình sự Nhà nước ta. Song, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo không có tình tiết tăng nặng, quá trình điều tra, xét xử bị cáo luôn khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và giao nộp số tiền bán xe trộm cắp còn lại chưa sử dụng. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; căn cứ vào giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt, hình phạt áp dụng đối với bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét thấy gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RS, màu sơn xanh- đen- bạc biển số 98M3- 7 . . . và 01 mũ bảo hiểm màu trắng là tài sản của ông Nguyễn Văn S, do cháu Nguyễn Thị X đang quản lý thì bị Đồng Văn Đ chiếm đoạt. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Văn S là chủ sở hữu đồng thời là

người đại diện hợp pháp của cháu X những tài sản trên; mặc dù không thu hồi được 01 Giấy phép lái xe và 01 Giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn S, nhưng ông S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nữa; vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Cháu Trần Thị Ng bị thiệt hại 01 chiếc mũ bảo hiểm, nhưng chiếc mũ đã cũ và không có giá trị đáng kể nên cháu Ng không yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Trần Văn H mua xe mô tô của bị cáo Đồng Văn Đ là ngay thẳng, anh H không biết xe mô tô đó là do bị cáo trộm cắp mà có. Nay anh H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 7.400.000đồng mà anh mua xe mô tô của bị cáo. Xét thấy khoản tiền này anh H bị thiệt hại là do bị cáo gây nên, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh H là đúng quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi ra đầu thú bị cáo đã giao nộp số tiền 2.655.000đồng, bị cáo khai đây là số tiền còn lại do bị cáo bán xe mô tô trộm cắp được cho anh H mà có; xác định số tiền này là tài sản của anh H bị Đ chiếm hữu bất hợp pháp nên cần trả lại cho anh H; như vậy bị cáo còn phải bồi thường cho anh H số tiền 4.745.000đồng nữa.

Khi bắt bị cáo theo Quyết định truy nã, thu giữ của bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến tội phạm; cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[3] **Về án phí:** Bị cáo Đồng Văn Đ là thành viên hộ nghèo, theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999:

Tuyên bố bị cáo Đồng Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Đồng Văn Đ 09 (Chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2017, được trừ 05 ngày tạm giữ (từ ngày 20/6/2017 đến ngày 25/6/2017).

2- Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 584 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc Đồng Văn Đ phải bồi thường cho anh Trần Văn H số tiền 4.745.000đ (Bốn triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn).

3- Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại Trần Văn H số tiền tiền 2.655.000đ (Hai triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng)

- Trả lại Đồng Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Những vật chứng nêu trên lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

** Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của khoản tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

4. Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đồng Văn Đ.

Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt đều có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án xét xử vắng mặt.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Công an huyện SD
- Chi cục THADS huyện SD
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thái